

Bản án số: 04/2016/HNGĐ - PT
Ngày: 07/6/2016
(V/v: ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Với hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lý Thị Đoàn**

- *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Vận,**
Bà **Trần Thị Oanh.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hoài Thương** – cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Ông **Lê
Quý Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa
xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2016/TLPT –
HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2016 về việc ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2016/HNGĐ ngày 30/3/2016 của
Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình bị đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2016/QĐ – PT ngày 23
tháng 5 năm 2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị **Bùi Thị Hương G** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường T – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn:

Anh **Dương Quốc T** – sinh năm 1973.

Địa chỉ: xã S – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Hoàng Ngọc Hiền – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đông Hà – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn – chị Bùi Thị Hương G trình bày: chị và anh Dương Quốc T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên đánh – cãi nhau do kinh tế gia đình khó khăn vì anh T nợ nần nhiều, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 20/10/2015 cho đến nay. Chị G xác định không tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Bị đơn – anh Dương Quốc T trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị G vì trong thời gian chung sống, hai vợ chồng không vui vẻ hạnh phúc, không có tương lai.

Về con chung: chị G và anh T có 02 con chung. Con lớn là cháu Dương Ngọc M – sinh năm 2006; con út là cháu Dương Ngọc Bảo L – sinh năm 2012. Chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T nuôi cháu M còn chị nuôi cháu L. Tuy nhiên, anh T không đồng ý với nguyện vọng của chị G và yêu cầu được nuôi cả hai con. Anh T đưa ra lý do không đồng ý để chị G nuôi cháu L vì chị G sống bừa bãi, dạy các con chống đối lại bố, âm mưu chia rẽ tình cảm bố con. Anh T muốn tự mình nuôi dạy các con khôn lớn, trưởng thành làm người có ích cho xã hội và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên hòa giải ngày 23/12/2015, chị G và anh T nhất trí thuận tình ly hôn, giữ nguyên yêu cầu về con chung; về tài sản chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có kê khai các khoản nợ chung và yêu cầu chị G phải có trách nhiệm trả nợ. Ngày 18/01/2016, anh T có đơn đề nghị Tòa án tách nợ chung của anh và chị G ra giải quyết ở một vụ án khác.

Tại phiên hòa giải ngày 23/3/2016, hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Đối với công nợ chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu của anh T, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành điều tra xác minh thu nhập của chị G tại nơi chị làm việc là nhà phân phối bánh kẹo HT tại phường C – thành phố H – tỉnh Hòa Bình.

Tại bản án số 04/2016/HNGĐ ngày 30/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã căn cứ các điều 55, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 quyết định:

1 – Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Hương G và anh Dương Quốc T.

2 – Về con chung: có 02 con chung là Dương Ngọc M – sinh năm 2006 và Dương Ngọc Bảo L – sinh năm 2012.

Giao cháu Dương Ngọc M cho anh Dương Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Dương Ngọc Bảo L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Ngoài ra, quyết định của bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/4/2016, anh Dương Quốc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được nuôi cả hai con chung của anh với chị Bùi Thị Hương G là cháu Dương Ngọc M và Dương Ngọc Bảo L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Quốc T trình bày bản luận cứ bảo vệ như sau: anh T và chị G có 02 con chung. Tuy nhiên, điều kiện hoàn cảnh hiện nay của chị G không phù hợp để chăm sóc con cái do công việc và chỗ ở của chị G không ổn định, hoàn cảnh sống của gia đình chị G phức tạp, thu nhập của chị không đồng đều, bản thân chị G trình độ học vấn thấp. Trong khi đó, anh T có công việc và chỗ ở ổn định, thu nhập cao, anh T là người có trình độ học vấn. Cháu M và cháu L đều là nam nên cần sự quan tâm chăm sóc của bố hơn mẹ. Do vậy, anh T đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cả hai cháu bé.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: việc cấp sơ thẩm căn cứ vào hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của các bên, giao cho anh T và chị G mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung là hợp lý, có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không đưa ra được chứng cứ nào mới ngoài các chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét. Kháng cáo của anh T không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ - toàn diện các ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và các đương sự:

XÉT THẤY

*Đơn kháng cáo của bị đơn – anh Dương Quốc T trong thời hạn luật định.

*Xét nội dung kháng cáo của anh Dương Quốc T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Chị Bùi Thị Hương G và anh Dương Quốc T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T – thành phố H – tỉnh Hòa Bình. Giữa anh chị đã có hai con chung là cháu Dương Ngọc M – sinh năm 2006 và cháu Dương Ngọc bảo L – sinh năm 2012.

Do trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên anh chị đã sống ly thân từ ngày 20/10/2015. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G đã làm đơn xin ly hôn anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn chị G. Việc tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho chị Bùi Thị Hương G và anh Dương Quốc T ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của anh T đề nghị được nuôi cả hai con chung vì cho rằng chị G không có tư cách đạo đức, không có nơi cư trú và công việc ổn định, không đủ điều

kiện kinh tế để nuôi con, gia đình chị G có hoàn cảnh phức tạp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc anh T và người bảo vệ quyền – lợi ích hợp pháp của anh T khẳng định chị G có cách sống bừa bãi, thiếu ý thức chỉ là sự khẳng định một phía mà không có chứng cứ xác thực. Hiện tại, chị G đang cư trú ổn định tại nhà mẹ đẻ trên địa bàn thành phố H và làm nhân viên tại nhà phân phối bánh kẹo HT (phường C – thành phố H – tỉnh Hòa Bình). Mặt khác, tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại nơi làm việc của chị G, căn cứ vào bảng lương tháng 01/2016 của nhà phân phối HT – thì lương và thưởng của chị G sau khi trừ bảo hiểm là 7.677.000 đồng, thu nhập hàng tháng như vậy có thể đảm bảo kinh tế cho chị G nuôi con (minh chứng cụ thể là trong giai đoạn anh chị sống ly thân từ tháng 10/2015 đến tháng 3/2016, chị G một mình nuôi dưỡng tốt cả hai con mà không hề có sự hỗ trợ về kinh tế của anh T). Hoàn cảnh phía gia đình chị G không ảnh hưởng tới việc chị chăm sóc – nuôi dưỡng con cái. Quá trình giải quyết vụ án, bản thân chị Giang cũng tha thiết đề nghị được nuôi một con chung. Căn cứ vào khả năng nuôi con và điều kiện thực tế của hai anh chị, việc cấp sơ thẩm quyết định giao cho mỗi người được nuôi một con chung là có căn cứ pháp luật, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên đối với con chung, hợp tình hợp lý.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T không đưa ra được chứng cứ mới nào ngoài những chứng cứ đã được xem xét tại cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của anh Dương Quốc T không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Dương Quốc T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 điều 275 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – anh Dương Quốc T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2016/HNGĐ ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Cụ thể:

Áp dụng điều 55,58,71,81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Hương G và anh Dương Quốc T.

2. Về con chung: có 02 con chung là cháu Dương Ngọc M sinh năm 2006; Dương Ngọc Bảo L sinh năm 2012.

Giao cháu Dương Ngọc M cho anh Dương Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Dương Ngọc Bảo L cho chị Bùi Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: chị Bùi Thị Hương G phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đã nộp tại biên lai thu tiền số 04685 ngày 22/10/2015 của Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình nay được đối trừ.

Anh Dương Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được đối trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001561 ngày 08/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: 07/6/2016.

Nơi nhận:

- TAND TP Hòa Bình,
- VKSND tỉnh Hòa Bình,
- Cục THADS TP Hòa Bình,
- Bị đơn,
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lý Thị Đoàn